

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;*

*Xét Kết quả kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (bao gồm dự án Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang) theo Công văn số 4055/STNMT-MT ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản kiểm tra ngày 13 tháng 11 năm 2023 kèm theo;*

*Xét Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (bao gồm dự án Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang) đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện, gửi kèm theo Văn bản số 1865/BVAG ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (sau đây viết tắt là Chủ cơ sở), địa chỉ tại số 60 đường Ung Văn Khiêm, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (bao gồm dự án Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang) (sau đây viết tắt là cơ sở) với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (bao gồm dự án Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang).

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 60 đường Ung Văn Khiêm, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.3. Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang; Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự án đầu tư Xây mới Khoa tâm thần Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo sửa chữa Khoa lao, Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang; Nghị quyết số 42/HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh An Giang về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công và các văn bản khác liên quan.

1.4. Mã số thuế: 1600258404.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

Cơ sở được thực hiện tại số 60 đường Ung Văn Khiêm, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Phạm vi cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc: Tiếp giáp với đường Ung Văn Khiêm.
- Phía Đông Nam: Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch.
- Phía Tây Bắc: Tiếp giáp với đường Nguyễn Văn Linh.
- Phía Tây Nam: Tiếp giáp với đường Dương Bạch Mai.

1.6.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 45.631,2 m<sup>2</sup>. Trong đó: diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 16.533,33 m<sup>2</sup>; công trình khu điều trị nội trú (nội trú 2) là 1.039 m<sup>2</sup> và diện tích đất trồng cây xanh, đường nội bộ là 28.058,87 m<sup>2</sup>.

- Tổng công suất hoạt động: 950 giường bệnh. Trong đó: khối Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (hiện hữu) có 681 giường bệnh và Khu điều trị nội trú (nội trú 2) (cải tạo, xây dựng lại mới) có 269 giường bệnh.

- Công trình hệ thống xử lý nước thải có công suất 600 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 1.151.256.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một ngàn một trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng*). Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm A phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và nhóm II phân loại theo tiêu chí về môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND thành phố Long Xuyên, UBND phường Mỹ Phước) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 12 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2033).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để B/c);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Sở Y tế tỉnh An Giang;
- UBND thành phố Long Xuyên (để phối hợp chỉ đạo);
- Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Chi cục BVMT, Thanh tra Sở, Chi cục QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Phước;
- Lưu: VT, TTHC<sub>Phú</sub>.

**GIÁM ĐỐC**

**Thái Minh Hiền**

## PHỤ LỤC 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 819/GPMT-STNMT ngày 25/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

###### **1.1. Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn số 1: Khu vực nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Khu vực bếp nấu ăn của căn tin nhà xe khách và căn tin nhà hàng (lầu 3).

###### **1.2. Các nguồn phát sinh nước thải y tế:**

- Nguồn số 3: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm, vệ sinh sản từ các khoa, phòng chuyên môn (Khoa cấp cứu; Khoa khám bệnh; Khoa nội tổng hợp; Khoa thận nhân tạo; Khoa nội tiêu hoá-huyết học; Khoa ngoại; Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức; Khoa chấn thương chỉnh hình; Khoa giải phẫu bệnh lý; Khoa xét nghiệm; Khoa chẩn đoán hình ảnh; Khoa mắt - tai mũi họng - răng hàm mặt,...).
- Nguồn số 4: Nước thải y tế phát sinh từ nhà giặt.
- Nguồn số 5: Nước thải sau hệ thống lọc RO.

##### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:** 01 dòng nước thải sau xử lý được thải ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước đô thị thành phố Long Xuyên (hệ thống thoát chung nước mưa và nước thải).

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột A, K = 1,0) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, C=C<sub>max</sub>, chỉ tiêu nhiệt độ và Clo dư) thoát vào 01 hố ga hiện hữu trên đường Phạm Ngọc Thạch thuộc khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (UBND thành phố Long Xuyên đã đồng thuận về việc xả nước thải vào cống chung trên đường Phạm Ngọc Thạch theo Công văn số 5761/UBND-KT ngày 17/11/2023).

Toạ độ vị trí xả thải: X = 1146705; Y = 574987 (Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 600 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) tương đương 25 m<sup>3</sup>/giờ.

###### **2.4. Phương thức xả nước thải:**

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D114 dẫn vào hố ga tập trung của Bệnh viện, sau đó theo đường cống BTCT Ø300 chảy vào hố ga thuộc tuyến cống thoát nước đô thị thành phố Long Xuyên trên đường Phạm Ngọc Thạch.

- Chế độ xả nước thải:

+ Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

+ Thời gian xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.5. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột A, K = 1,0) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, C=C<sub>max</sub>, chỉ tiêu nhiệt độ và Clo dư), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 28:2010/ BTNMT (cột A)	QCVN 40:2011/ BTNMT (cột A)		
1	pH		6,5 - 8,5	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	50	-		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30	-		
4	COD	mg/l	50	-		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1	-		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	-		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	-		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	-		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	-		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	-		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	-		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	-		
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	-		
14	Shigella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	-		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	-		
16	Nhiệt độ	°C	-	40		
17	Clo dư	mg/l	-	1		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của bệnh viện được đưa về các bể tự hoại (18 bể tự hoại có tổng thể tích  $358 \text{ m}^3$ ); nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp tại căn tin nhà hàng (lầu 3) xử lý sơ bộ bằng 02 bể tách dầu mỡ, dung tích mỗi bể là  $0,432 \text{ m}^3$  và khu vực căn tin nhà xe khách xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ, dung tích  $4,68 \text{ m}^3$ . Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và bể tách dầu mỡ dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm của các khoa, phòng chuyên môn, nước thải phát sinh từ nhà giặt và nước thải phát sinh từ hệ thống lọc RO được thu gom về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

##### 1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

###### a) Bể tự hoại 03 ngăn:

- Số lượng: 18 bể tự hoại đặt tại các khu nhà vệ sinh (tầng trệt).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước đen → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Nguồn tiếp nhận.

- Tổng dung tích thiết kế: Nguồn số 01 sử dụng 18 bể tự hoại tổng dung tích chứa  $358 \text{ m}^3$  (bao gồm: Khu tòa nhà chính có 8 bể tự hoại với tổng dung tích là  $204 \text{ m}^3$ ; Khoa truyền nhiễm có 01 bể tự hoại với dung tích là  $20 \text{ m}^3$ ; Nhà tang lễ có 01 bể tự hoại với dung tích là  $4 \text{ m}^3$ ; Khoa lao có 01 bể tự hoại với dung tích là  $14 \text{ m}^3$ ; Khoa tâm thần có 02 bể tự hoại với dung tích là  $40 \text{ m}^3$ ; 04 nhà bảo vệ có 04 bể tự hoại tổng dung tích là  $16 \text{ m}^3$  và Khu điều trị nội trú (nội trú 2) có 01 bể tự hoại có dung tích là  $60 \text{ m}^3$ ).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

###### b) Bể tách mỡ:

- Số lượng: 03 bể tách mỡ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách mỡ → bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Nguồn tiếp nhận.

- Tổng dung tích thiết kế: Nguồn số 02 sử dụng 03 bể tách mỡ (tổng dung tích chứa là  $5,544 \text{ m}^3$ , bao gồm 02 bể ở căn tin nhà hàng (lầu 3) với tổng dung tích là  $0,864 \text{ m}^3$  và 01 bể ở căn tin nhà xe khách với dung tích là  $4,68 \text{ m}^3$ ).



- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

#### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải y tế

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Đối với nước thải y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm của các khoa, phòng chuyên môn; nước thải phát sinh từ nhà giặt và nước thải phát sinh từ hệ thống lọc RO → bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Nguồn tiếp nhận.

Đối với nước thải y tế lây nhiễm: nước thải nhiễm hoá chất, chất lây nhiễm phát sinh từ các phòng, khoa khám bệnh → Thùng thu gom → Dán nhãn, lưu kho chất thải nguy hại, chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom xử lý chất thải nguy hại.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

#### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Đã đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể lắng sơ cấp → Bể xử lý sinh học → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hệ thống công thoát nước đô thị thành phố Long Xuyên (hố ga trên đường Phạm Ngọc Thạch).

- Công suất: 600 m<sup>3</sup>/ngày đêm (24 giờ).

- Hoá chất: PAC sử dụng khoảng 25 kg/ngày; Canxi hypochlorit sử dụng khử trùng khoảng 01 kg/ngày; Polyme Anion sử dụng khoảng 0,5 kg/ngày.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột A, K = 1,0) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, C=C<sub>max</sub>, chỉ tiêu nhiệt độ và Clo dư).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

##### 1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn vận hành, an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên vận hành, các máy bơm dự phòng được lắp đặt trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải và được cơ sở luân phiên chạy liên tục để tránh tình trạng bị hư hỏng do không sử dụng. Ngoài ra, tại cơ sở còn trang bị máy bơm dự phòng di động.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thực hiện các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố.



- Tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên vận hành kiểm tra hệ thống xử lý nước thải mỗi ngày nhằm phát hiện sự cố kịp thời và nhanh chóng, được trang bị kiến thức về quá trình xử lý nước thải, ứng phó những sự cố có thể xảy ra trong thời gian nhanh nhất. Nếu có sự cố xảy ra phải báo ngay với đơn vị chịu trách nhiệm để khắc phục sự cố.
- Định kỳ lấy mẫu nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.
- Trường hợp sự cố vượt quá khả năng lưu chứa nước thải chưa qua xử lý của bể sự cố, chủ cơ sở liên hệ với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý, nước thải theo quy định để giảm tải áp lực cho hệ thống xử lý và đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận.
- Trường hợp khi Khu điều trị nội trú (nội trú 2) đi vào hoạt động, nước thải phát sinh vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung  $600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , thì chủ cơ sở phải thực hiện đầu tư nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

#### 1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

Cơ sở đã xây dựng bể điều hoà có dung tích chứa  $150 \text{ m}^3$  và bể ứng phó sự cố (bể điều hoà dự phòng) có dung tích chứa  $460 \text{ m}^3$  để lưu chứa nước thải trong trường hợp gặp sự cố. Tổng thể tích chứa nước thải của 02 bể này là  $610 \text{ m}^3$  với thời gian lưu nước hơn 24 giờ, trong trường hợp sự cố xảy ra cơ sở sẽ tiến hành sửa chữa hoặc thay mới đảm bảo không để sự cố xảy ra quá 24 giờ.

Trong trường hợp hệ thống ngưng hoạt động do sự cố bất thường: Lưu chứa nước thải trong bể điều hoà dự phòng (dung tích  $460 \text{ m}^3$ ). Đồng thời, phải tiến hành sửa chữa ngay, nuôi cấy lại vi sinh cho hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, tránh trường hợp nước thải chưa qua xử lý thải ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ ngày 01/02/2024 đến ngày 30/4/2024).
- Công suất vận hành thử nghiệm đạt theo công suất thiết kế.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào (trước xử lý): Tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (Tọa độ: X = 1146708; Y = 574985).

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá:

  - + 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại bể gom (nước thải đầu vào, trước xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

  - + 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại hố ga thoát nước thải (nước thải đầu ra, sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

  - + Thời gian lấy mẫu 03 ngày liên tiếp dự kiến từ ngày 08/4/2024 đến ngày 10/4/2024.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

### 3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tổ chức thực hiện các biện pháp, công trình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện thi công xây dựng Khu điều trị nội trú (nội trú 2) theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

### 3.2. Giai đoạn hoạt động

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.5 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về lưu lượng nước thải; thu gom, công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải; đầu nổi, thoát nước thải và chất lượng nước thải sau xử lý xả vào nguồn tiếp nhận.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải tổng hợp số liệu, kết quả quan trắc, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đô thị nếu có sự cố bất thường, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên), Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 819/GPMT-STNMT ngày 25/12/2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 1 (công suất 1.875 kvA sử dụng dầu DO).
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 2 (công suất 1.875 kvA sử dụng dầu DO).

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Có 02 dòng khí thải: Dòng khí thải số 1 và dòng khí thải 2 (Tương ứng với các nguồn số 1 và nguồn số 2):

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng (nguồn số 1). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1146766; Y = 574884.
- Dòng khí thải số 2: Ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng (nguồn số 2). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1146776; Y = 574905.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang.

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $3.615 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .
- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $3.545 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (Chỉ xả khí thải khi chạy máy phát điện dự phòng).

###### 2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

Dòng khí thải số 1 và dòng khí thải số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chủ cơ sở chịu trách nhiệm chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN

19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 1,0 và Kv = 0,6), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	120	Không đề xuất	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	600		
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	510		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

Để giảm thiểu những tác động của máy phát điện dự phòng, Chủ cơ sở đã thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Phòng đặt máy phát điện được xây dựng đúng kỹ thuật về diện tích, khoảng cách tường và máy, cách âm, chống rung,.. máy phát điện được đặt tại khu vực riêng biệt hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

- Ống khói xả khí thải được thiết kế nằm ngang, với tiết diện đường ống là Ø350, chiều dài tính từ vị trí xả thải ra tới miệng ống thoát khoảng 8m, chất liệu tôn tráng kẽm, có lưới nhỏ bao quanh phía ngoài miệng ống khói.

- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (dầu DO 0,2% S), nằm trong quy định cho phép và chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện.

- Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng máy móc. Khi có sự cố, dừng hoạt động và kiểm tra hệ thống máy phát điện.

- Do máy phát điện chỉ hoạt động khi mất điện từ lưới điện quốc gia, chủ cơ sở bố trí nhân viên kiểm tra bộ lọc khí thải của máy phát điện sau khi hoạt động.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

#### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, công trình thu gom, xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện thi công xây dựng Khu điều trị nội trú (nội trú 2) theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### **3.2. Giai đoạn hoạt động**

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả khí thải ra ngoài môi trường.

Sử dụng nhiên liệu dầu cho máy phát điện dự phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn, chất lượng về hàng hóa theo quy định.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

Có giải pháp giảm thiểu khí thải, mùi hôi phát sinh tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, y tế và khu vực hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải, mùi hôi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 819/GPMT-STNMT ngày 25/12/2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng số 01 công suất 1.875 kvA.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng số 02 công suất 1.875 kvA.
- Nguồn số 03: Khu vực nhà máy cấp khí.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí nguồn số 01 tại khu vực nhà đặt máy phát điện có tọa độ X = 1146766; Y = 574884.
- Vị trí nguồn số 02 tại khu vực nhà đặt máy phát điện có tọa độ X = 1146776; Y = 574905.
- Vị trí nguồn số 03 tại khu vực nhà máy cấp khí có tọa độ X = 1146710; Y = 574959.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

**3. Yêu cầu:** Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung**

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**



- Bố trí những máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn nằm ở khu vực riêng biệt, phòng cách âm, xa khu nội trú của bệnh nhân.

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bộ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt.

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn. Nếu bắt buộc phải sử dụng thì phải lắp các thiết bị giảm âm thanh.

- Máy phát điện được đặt tại vị trí cách xa khu vực các phòng bệnh, phòng đặt máy phát điện là phòng kín có diện tích khá rộng với diện tích là 1.200,36 m<sup>2</sup> kết cấu phòng xây tường gạch, có cách âm bao quanh, được đặt trên bệ đúc có lắp đặt thêm các đệm giảm rung, chấn động. Bố trí cửa kéo kín để phân cách máy phát điện, quy định cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực máy phát điện, các trạm biến áp được lắp hàng rào chắn bằng lưới B40 ngăn cách với lối đi chính.

- Sử dụng máy phát điện mới và hiện đại, thiết kế bộ phận giảm âm, lắp đệm cao su chống ồn cho máy phát điện dự phòng;

- Máy phát điện đặt tại vị trí cách biệt với khu vực văn phòng và các khu vực nhạy cảm của cơ sở như khu vực khám chữa bệnh, khu nghỉ dưỡng, khu vực lưu trú của bệnh nhân và thân nhân.

- Lắp đặt máy móc thiết bị đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bệ máy kiên cố.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Bệnh viện để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh tới môi trường xung quanh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của các máy móc thiết bị vận hành trong quá trình thi công xây dựng Khu điều trị nội trú (nội trú 2) theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **2.2. Giai đoạn hoạt động**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 819/GPMT-STNMT ngày 25/12/2023*  
*của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I	Tổng lượng chất thải lây nhiễm			174.673
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Rắn/lỏng	19.930
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn			92.768
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao			55.132
1.4	Chất thải giải phẫu			6.843
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			7.931,45
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng	13 01 02	Rắn/lỏng	06
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	Rắn/lỏng	15
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 04	Rắn	185
2.4	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	16 01 08	Lỏng	28
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác			131
2.5.1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt hóa thải	16 01 06	Rắn	130
2.5.2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	01
2.6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	7.566,45
Tổng khối lượng				182.604,45

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy, thùng carton	18 01 05	43.640
2	Chai nhựa	11 02 04	6.669
3	Thùng can nhựa		8.010
4	Lọ bi, thủy tinh	11 02 03	3.850
Tổng khối lượng			62.169

Bùn thải từ hầm tự hoại, hệ thống thu gom thoát nước thải nội bộ của bệnh viện là 61 kg/ngày. Khối lượng dầu mỡ được thu gom là 67,32 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 637.545 kg/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại:

### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa:*

Chất thải y tế lây nhiễm: Trang bị 130 thùng chứa. Trong đó: 60 thùng loại 240 lít có màu vàng và 70 thùng loại 25 lít có màu vàng, trên các thùng chứa có dán nhãn cảnh báo chất thải lây nhiễm theo đúng quy định. Ngoài ra, có khoảng 300 hộp đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn loại 1,5 lít và 300 thùng màu vàng loại 10 lít được bố trí trên các xe tiêm. Sau khi khu điều trị nội trú (nội trú 2) đi vào hoạt động, Chủ cơ sở sẽ bố trí thêm khoảng 10 thùng nhựa màu vàng loại 240 lít.

Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Trang bị 09 thùng loại 240 lít màu đen, có nắp đậy.

### *2.1.2. Kho lưu chứa:*

Chất thải y tế lây nhiễm: Bố trí 01 kho chứa có diện tích 24 m<sup>2</sup> được chia thành 02 phòng, mỗi phòng có diện tích 12 m<sup>2</sup>. Kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tole, cửa thép kín, có máy lạnh. Phía trước cửa phòng có bố trí biển tên và biển hiệu cảnh báo chất thải lây nhiễm đảm bảo kích thước tối thiểu 30cm mỗi cạnh; bố trí bình chữa cháy cầm tay; bố trí cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn. Vị trí nhà kho có tọa độ: X = 1146711; Y = 574925.

Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Bố trí 01 kho chứa có diện tích 12 m<sup>2</sup>. Kết cấu nền lát gạch, vách, mái và cửa bằng tole. Phía trước cửa phòng có bố trí biển tên và biển hiệu cảnh báo chất thải nguy hại không lây nhiễm đảm bảo kích thước tối thiểu 30cm mỗi cạnh; Xây dựng gờ chặn và rãnh thu gom; bố trí bình

chữa cháy cầm tay; bố trí cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn. Vị trí kho có tọa độ: X = 1146716; Y = 574933.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Xây dựng bể chứa bùn có thể tích 20 m<sup>3</sup> bằng bê tông cốt thép; trang bị 01 máy ép bùn băng tải hoạt động dựa trên nguyên lý sử dụng lực ép của rulo quay, truyền động cơ học kéo bằng tải dạng 2 lớp. Bùn thải sau khi qua máy ép bùn được đóng bao lưu tại kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích 12 m<sup>2</sup>. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý bùn thải theo đúng quy định.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

*2.2.1. Thiết bị lưu chứa:*

Trang bị tổng cộng 09 thùng chứa màu trắng loại 240 lít.

*2.2.2. Kho lưu chứa*

Bố trí 01 kho chứa có diện tích 104,34 m<sup>2</sup>. Kết cấu: Kho được xây tiền chế với kết cấu nền lát xi măng, vách tole, mái tole. Vị trí kho có tọa độ: X = 1146710; Y = 574951.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

*2.3.1. Thiết bị lưu chứa:*

Trang bị tổng cộng 81 thùng rác bằng nhựa màu xanh loại 240 lít, 07 thùng rác bằng nhựa màu xanh loại 120 lít và 550 thùng màu xanh loại 25 lít. Sau khi khu điều trị nội trú (nội trú 2) đi vào hoạt động, Chủ cơ sở sẽ bố trí thêm khoảng 20 thùng nhựa màu xanh loại 240 lít.

*2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:*

Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 24 m<sup>2</sup> (dài 6m x rộng 4m). Kết cấu nền bê tông, khung, cột bằng thép rỗng B40 xung quanh, mái tole, thiết kế cửa bằng lưới B40. Vị trí khu vực tập kết rác có tọa độ: X = 1146720; Y = 574943.

Rác thải sinh hoạt thu gom, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định; tần suất thu gom từ 02 - 03 lần/ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Giai đoạn thi công xây dựng**

Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, công trình thu gom, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Khu điều trị nội trú (nội trú 2) theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **2. Giai đoạn hoạt động**

Chủ cơ sở có trách nhiệm thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý các loại bùn thải phát sinh tại cơ sở: bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn thải từ các bể tách dầu mỡ, bùn thải từ hầm tự hoại, bùn thải từ hoạt động nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh, thu gom nước thải đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP/.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 819/GPMT-STNMT ngày 25/12/2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình kỹ thuật và công trình bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1528/QĐ-STNMT ngày 31/12/2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang từ 600 giường lên 950 giường. Đối với một số nội dung thay đổi so với Quyết định số Quyết định số 1528/QĐ-STNMT ngày 31/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

Riêng đối với hạng mục Khu điều trị nội trú (nội trú 2) nằm trong khuôn viên Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang được tiếp tục đầu tư xây dựng trong năm 2024, đề nghị Chủ cơ sở:

- Tổ chức thực hiện các biện pháp, công trình thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải; thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý; có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác có liên quan.

- Sau khi hoàn thành công trình đưa vào hoạt động, tổ chức di dời các trang thiết bị không làm phát sinh tăng thêm quy mô giường bệnh (tổng số lượng là 950 giường bệnh). Chủ cơ sở có trách nhiệm xây dựng hệ thống đường ống thu gom dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý và trang bị các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám

sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn trong thi công xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.